

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

KHÔNG CÓ GÌ TỰ ĐẾN ĐÂU CON

*Không có gì tự đến đâu con
Quả muốn ngọt phải thán ngày tích nhựa
Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa
Mùa bội thu trải một nắng hai sương.*

*Không có gì tự đến đâu bình thường
Phải bằng cả đôi tay và nghị lực
Như con chim suốt ngày chọn hạt
Năm tháng bao dung nhưng khắc nghiệt lạ kì.*

*Dẫu bây giờ bố mẹ – đôi khi
Có nặng nề yêu thương và giận dỗi
Có roi vọt khi con hư và dối
Thương yêu con đâu đồng nghĩa với chiều.*

*Đường con đi dài rộng rất nhiều
Năm tháng nụ xanh giữ cây vươn thẳng
Trời xanh đấy, nhưng chẳng bao giờ lặng
Chỉ có con mới nâng nổi chính mình.*

Chẳng có gì tự đến – Hãy định ninh.

(Nguyễn Đăng Tân, *Không có gì tự đến đâu con*,
trích tập thơ *Lời ru Vàng trắng*, NXB Hội Nhà văn, 2000).

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Chỉ ra dấu hiệu hình thức để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2 (1,0 điểm). Việc tác giả sử dụng hình thức lời tâm sự của người cha với con trong văn bản có hiệu quả gì?

Câu 3 (0,5 điểm). Tìm và giải nghĩa một thành ngữ được sử dụng trong văn bản.

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng ở hai khổ thơ đầu của văn bản.

Câu 5 (1,0 điểm). Em có suy nghĩ gì về lời nhắn nhủ của người cha trong hai câu thơ:

Quả muốn ngọt phải thối ngày tích nhựa

Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích chín dòng thơ cuối của văn bản *Không có gì tự đến đâu con* được trích trong phần đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm). Trong bài thơ, người cha nhắn nhủ: *Chỉ có con mới nâng nổi chính mình.*, hướng con đến cách sống tự lập. Nhưng trong thực tế, nhiều người trẻ tuổi ngày nay lại có thói quen sống ỷ lại, dựa dẫm.

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng sống ỷ lại, dựa dẫm của một số người trẻ tuổi và đưa ra cách khắc phục.

-----Hết-----

- *Thí sinh không được sử dụng tài liệu.*
- *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
MÔN NGỮ VĂN**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Số chữ trong các dòng thơ không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do của văn bản <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS xác định được đúng dấu hiệu và thể thơ của văn bản: 0,5 điểm. - HS chỉ xác định được thể thơ hoặc dấu hiệu: 0,25 điểm. - HS không xác định hoặc không xác định đúng: 0 điểm.	0,5
	2	Hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của cha nói với con: - Tạo giọng điệu tâm tình, tự nhiên mà tha thiết. - Thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm của cha với con. - Giúp con khắc ghi những lời răn dạy của cha; cũng là những mong muốn của cha: con sống mạnh mẽ, sống đẹp, sống có ích cho đời. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS nêu được từ 2 hiệu quả trở lên: 1,0 điểm. - HS nêu được 1 hiệu quả : 0,5 điểm. - Không nêu được hiệu quả: 0 điểm.	1,0
	3	- Tìm thành ngữ: một nắng hai sương. - Giải nghĩa: ý chỉ sự gian truân, vất vả, cực nhọc triền miên, kéo dài. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS tìm được thành ngữ: 0,25 điểm. - HS giải nghĩa đúng ý của thành ngữ: 0,25 điểm. - HS nêu sai: 0 điểm.	0,5
	4	- Nêu biểu hiện của biện pháp tu từ điệp ngữ trong 2 khổ thơ đầu: Không có gì tự đến - Nêu tác dụng: + Làm tăng hiệu quả diễn đạt, gắn kết ý thơ, tạo giọng điệu khẳng định mạnh mẽ. + Nhấn mạnh lời nhắn nhủ của người cha: trong cuộc sống không có gì tự đến (tự có); giúp con hiểu rằng: con muốn có điều gì cần nỗ lực và hành động. + Thể hiện sự quan tâm, tình yêu thương của người cha. <i>Hướng dẫn chấm</i> - HS chỉ ra biểu hiện và phân tích được từ 3 tác dụng: 1,0 điểm. - HS chỉ ra biểu hiện và phân tích được 2 tác dụng: 0,75 điểm. - HS chỉ ra biểu hiện và phân tích đúng 1 tác dụng: 0,5 điểm. - HS không chỉ biểu hiện chỉ nêu tác dụng: trừ 0,25 điểm - HS chỉ phân tích đúng 1 tác dụng: 0,25 điểm. - HS không thực hiện được yêu cầu: 0 điểm.	
	5	- Ý nghĩa của lời nhắn nhủ: Hoa quả phải trải qua quá trình vất vả mới thành hoa thơm trái ngọt; trong cuộc sống không gì tự có, con cần hành động, kiên trì, nỗ lực mới có được thành quả. - Suy nghĩ về lời nhắn nhủ: + Đúng đắn, hướng con đến lối sống tích cực. + Thể hiện sự quan tâm dạy dỗ của người cha. + Đây cũng là bài học cho tuổi trẻ. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS nêu được ý nghĩa của lời nhắn và nêu suy nghĩ của mình đúng đắn không vi phạm chuẩn mực: 1,0 điểm. - HS chỉ nêu được ý nghĩa: 0,5 điểm.; Chỉ nêu suy nghĩ nhưng đúng đắn: 0,5 điểm. - HS không nêu được, nêu sai ý nghĩa và suy nghĩ không hợp lý: 0 điểm.	

II.		VIẾT	6,0
1		Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) chín dòng thơ cuối của văn bản “ Không có gì tự đến đâu con” được trích trong phần đọc hiểu.	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:</i> - Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành. <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS đảm bảo về hình thức và dung lượng của đoạn văn (cộng/trừ 100 chữ): 0,25 điểm. + HS không đảm bảo về hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn: 0 điểm.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> phân tích chín dòng thơ cuối của văn bản “ Không có gì tự đến đâu con” được trích trong phần đọc hiểu. + HS xác định đúng và tập trung làm rõ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm + HS chưa xác định đúng vấn đề nghị luận, lạc đề: 0 điểm	0,25
		c. <i>Viết được đoạn văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu:</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ. Sau đây là gợi ý: • Về nội dung đoạn thơ: 0,5đ - Đề tài: tình cảm gia đình (tình phụ tử). - Chủ đề: Bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng là lời nhắn nhủ tha thiết của người cha gửi gắm đến con những bài học sâu sắc về cuộc sống. - Khổ thơ đầu: Cha nói với con về tình cảm gia đình, mong con hiểu được tâm tình của cha mẹ. Cha mẹ tin rằng con sẽ hiểu được tấm lòng và tình yêu thương của cha mẹ. Cha yêu thương con, là chỗ dựa vững chắc cho con nhưng không nuông chiều. - Khổ sau: Cha nói với con về con đường phía trước “dài rộng rất nhiều” nhưng điều quan trọng là con phải biết “giữ cây vươn thẳng”, tự giác và nghiêm khắc với bản thân. Các hình ảnh ẩn dụ “Đường con đi dài rộng”, “năm tháng nụ xanh giữ cây vươn thẳng”, “Trời xanh chẳng bao giờ lặng” nhằm khẳng định đường đời lắm gian nan, con phải có ý chí, bản lĩnh, không được cúi đầu trước khó khăn, cám dỗ của cuộc đời. Ý thơ là lời răn dạy: Không ai có thể sống thay con, chỉ có con mới quyết định được tương lai cuộc đời của mình. - Câu cuối đứng riêng tạo khổ thơ cuối đặc biệt bởi chỉ có một dòng thơ ngắn kết hợp dấu gạch ngang gợi suy ngẫm về những điều cha dạy mà con cần khắc cốt ghi tâm. Từ láy “đỉnh ninh” như một lời trao gửi thiêng liêng của thế hệ cha anh, nhẹ nhàng mà vô cùng sâu sắc, thấm thía. ⇒ Qua bài thơ người đọc cảm nhận được tình yêu thương con sâu nặng của người cha, sự trân trọng, tin yêu của nhà thơ vào tình cảm gia đình - một tình cảm thiêng liêng, cao đẹp. • Về nghệ thuật đoạn thơ: 0,5 đ - Sử dụng thể thơ tự do phù hợp với việc diễn tả những lời thủ thỉ, tâm tình và dặn dò thiết tha, sâu lắng của người cha dành cho con. - Hình ảnh bình dị, gần gũi nhưng giàu ý nghĩa biểu tượng, mang tính khái quát cao, phù hợp những suy tư, cách nhìn có chiều sâu về cuộc sống của người cha. - Ngôn ngữ trong sáng, biểu cảm, giọng điệu tha thiết, sâu lắng nhưng trang nghiêm, tự hào - Các phép tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ... được sử dụng khéo léo, phát huy hiệu quả trong diễn đạt.	1,0
		d. <i>Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ ngữ, ngữ pháp, liên kết câu trong đoạn văn. <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS đáp ứng đúng các yêu cầu về diễn đạt: 0,25 điểm. + HS mắc từ 6 lỗi chính tả, lỗi dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản trở lên: 0 điểm.	

	<i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS thể hiện tư duy sáng tạo qua lập luận, diễn đạt, phù hợp với vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. + HS chưa thể hiện rõ sự sáng tạo: 0 điểm.	
2	Trong bài thơ, người cha nhắn nhủ: <i>Chỉ có con mới nâng nổi chính mình.</i>, hướng con đến cách sống tự lập. Nhưng trong thực tế, nhiều người trẻ tuổi ngày nay lại có thói quen sống ỷ lại, dựa dẫm. Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng sống ỷ lại, dựa dẫm của một số người trẻ tuổi và đưa ra cách khắc phục.	
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận:</i> Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ). <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn (cộng/trừ 200 chữ): 0,25 điểm. + HS không đảm bảo bố cục của bài văn: 0 điểm.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: suy nghĩ của em về hiện tượng sống ỷ lại, dựa dẫm của một số người trẻ tuổi và đưa ra cách khắc phục.</i> <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS xác định đúng và tập trung làm rõ vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. + HS chưa xác định đúng vấn đề nghị luận, lạc đề: 0 điểm.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu:</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Giải thích: Dựa dẫm, ỷ lại là tự bản thân không có ý thức trách nhiệm, không cố gắng trong cuộc sống mà phụ thuộc, trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác một cách thái quá. 0,25đ - Thực trạng – biểu hiện: 0,5đ + Trong cuộc sống: Thờ ơ với cuộc sống, công việc học tập của chính mình, không suy nghĩ cho tương lai, để mặc bố mẹ sắp đặt mọi việc. Hay không tự làm từ những việc nhỏ nhất như dọn dẹp phòng ở, giặt giũ,... để bố mẹ làm. + Trong học tập: gặp bài tập khó thì nhờ vả bạn bè, kiểm tra thì dựa vào tài liệu... - Hậu quả: 0,5đ + Thói quen sống ỷ lại, quen dựa dẫm thường dẫn đến thói lười biếng (lười lao động, lười suy nghĩ, lười tư duy), từ đó khiến mỗi người mất đi những khả năng vốn có, không còn năng lực đưa ra quyết định trong những hoàn cảnh cần thiết. Từ đó, họ không làm chủ được cuộc đời, không có bản lĩnh, không có sáng tạo,... dễ gặp thất bại trong mọi việc; đánh mất đi cơ hội phát triển năng lực bản thân; nếu môi trường sống thay đổi, bạn sẽ khó thích nghi, dễ bị đào thải, tụt lùi so với người khác. + Trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Tương lai của đất nước không thể phát triển tốt đẹp nếu những chủ nhân tương lai của đất nước đều lười biếng, ỷ lại như vậy. - Nguyên nhân: 0,5đ + Do sự lười biếng trong cả nhận thức và hành động; quen hưởng thụ, sợ gian khó; thiếu tự tin, yếu đuối... + Do gia đình nuông chiều, bao bọc quá mức; cuộc sống vật chất quá đầy đủ... - Cách khắc phục, giải quyết: 0,75 đ + Với gia đình: Khuyến khích con tham gia các hoạt động cùng gia đình, giúp đỡ bố mẹ; giao trách nhiệm và những công việc cụ thể phù hợp với lứa tuổi từ khi còn nhỏ, không bao bọc, chiều chuộng quá mức, rèn luyện cách tự lập... + Với nhà trường: Giáo dục ý thức trách nhiệm của học sinh; tổ chức các hoạt động phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của hs;...	2,5

	+ Với xã hội: Xã hội, gia đình và nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với nhau để rèn luyện cho thanh thiếu niên kỹ năng sống để tăng sự tự tin và khả năng vươn lên trong cuộc sống. + Bản thân mỗi người, và cá nhân học sinh: Xác định rõ mục tiêu trong học tập và cuộc sống, cố gắng vượt qua sự lười biếng, tự tin vào bản thân, trang bị kiến thức và kỹ năng, rèn luyện thói quen tự lập... *Kết bài: Khái quát vấn đề.	
	<i>d. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ ngữ, ngữ pháp, liên kết câu trong đoạn văn. <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS đáp ứng đúng các yêu cầu về diễn đạt: 0,25 điểm. + HS mắc từ 6 lỗi chính tả, lỗi dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản trở lên.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS thể hiện tư duy sáng tạo qua lập luận, diễn đạt, phù hợp với vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. + HS chưa thể hiện rõ sự sáng tạo: 0 điểm.	0,5